

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 6.4.2022

NGƯỜI KHÁC CHÊ KHÔNG ĐÁNG NGẠI BẰNG TỰ TI
Kinh Somā (Somāsuttam)
CHƯƠNG V. TƯƠNG ƯNG TỶ KHEO NI (S.i, 128)

Bài kinh này thuật lại câu chuyện Ác ma muốn làm một vị thánh ni kinh sợ bằng cách quấy động giữa trưa tĩnh mịch trong rừng vắng. Nhưng điểm chính là điều ác ma nói mang đầy tính kỳ thị giới tính. Vị thánh ni ung dung trả lời với những gì thật sự y cứ trên thực tu thực chứng. Nhìn từ góc cạnh khác của sự việc là người khác xem thường mình không đáng ngại bằng mặc cảm tự ti. Một khi tự cho rằng vì lý do này hay lý do khác nên bản thân không thể cải thiện hay thành tựu thì có nghĩa là tự mình làm rào cản chính mình.



Kinh Văn

Sāvattthinidānaṃ.

Tại Sāvattthi.

Atha kho somā bhikkhunī pubbaṇhasamayam nivāsetvā pattacīvaramādāya sāvattthiṃ piṇḍāya pāvisi. Sāvattthiyam piṇḍāya caritvā pacchābhattam piṇḍapātaṭikkantā yena andhavanam tenupasaṅkami divāvihārāya. Andhavanam ajjhogāhetvā aññatarasmim rukkhamūle divāvihāram nisīdi.

Vào buổi sáng tỳ khuru ni Somā đắp y, cầm bình bát và y kép đi vào Sāvattthi khát thực. Sau khi khát thực và thọ trai xong vị ấy trên đường đi đến rừng Andha để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào rừng vị ấy tĩnh tọa dưới một gốc cây.

Atha kho māro pāpimā somāya bhikkhuniyā bhayam chambhitattam lomahaṃsam uppādetukāmo samādhimhā cāvetukāmo yena somā bhikkhunī tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā somam bhikkhunim gāthāya ajjhabhāsi –

Rồi Ác ma muốn làm tỳ khuru ni Somā run sợ, hốt hoảng, kinh khiếp, rời xa thiên định đã đến gần và nói lên kệ ngôn:

**“Yaṃ taṃ isīhi pattaḃbaṃ, ṭhānaṃ durabhisambhavaṃ;
Na taṃ dvaṅgulapaññāya, sakkā pappotumitthiyā”**ti.

“Trạng thái khó thành tựu,
Chỉ chứng bởi cao nhân,
Đàn bà sao đạt được,
Vớ trí tuệ hai ngón?”

**Atha kho somāya bhikkhuniyā etadahosi – “ko nu khvāyaṃ manusso vā
amanusso vā gāthaṃ bhāsati”**ti?

Tỳ khuru ni Somā tự nghĩ: "Ai đã nói lên kệ ngôn này? Người hay phi nhân?"

**Atha kho somāya bhikkhuniyā etadahosi – “māro kho ayaṃ pāpimā mama
bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃsaṃ uppādetukāmo samādhimhā
cāvetukāmo gāthaṃ bhāsati”**ti.

Tỳ khuru ni Somā xét thấy: "Chính Ác ma muốn khiến ta run sợ, hốt hoảng, kinh khiếp để từ bỏ thiên định đã nói lên kệ ngôn".

**Atha kho somā bhikkhunī “māro ayaṃ pāpimā” iti veditvā māraṃ
pāpimantaṃ gāthāhi paccabhāsi –**

Tỳ khuru ni somā biết được: "Đấy là Ác ma", liền nói kệ ngôn:

**“Itthibhāvo kiṃ kayirā, cittaṃhi susamāhite;
Ñāṇaṃhi vattamānaṃhi, sammā dhammaṃ vipassato.**

**“Yassa nūna siyā evaṃ, itthāhaṃ purisoti vā;
Kiñci vā pana aññasmi, taṃ māro vattumarahati”**ti.

“Là nữ nhân thì sao?
Khi tâm khéo định tĩnh,
Vớ tuệ giác hiện khởi,
Thấy rõ được chân pháp.

“Một người với cách nghĩ,
“Là nữ” hay “là nam”,
Hay “tôi là này nọ”,
Hợp cho Ác ma nói.

**Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ somā bhikkhunī”ti dukkhī dummano
tatthevantaradhāyīti.**

Ác ma biết được: "Tỷ khuru ni Somā đã biết ta" phiền muộn và thất vọng biến mất ngay chỗ ấy.



Thích văn

“**Yaṃ taṃ isīhi pattaḃbaṃ** = Chỉ có thể ngoại cao nhân mới đạt được
ṭhānaṃ durabhisambhavaṃ = trạng thái khó chứng ngộ
Na taṃ dvaṅgulapaññāya sakkā pappotumitthiyā”ti
= là điều bất khả cho nữ nhân với “trí tuệ hai ngón tay”

“**Itthibhāvo kiṃ kayirā** = Là nữ nhân thì có vấn đề gì?
cittamhi susamāhite = với tâm khéo định tĩnh
Ñāṇamhi vattamānamhi = tuệ giác hiện khởi
sammā dhammaṃ vipassato = quán chiếu Pháp một cách chân xác

“**Yassa nūna siyā evaṃ** = Chắc hẳn có những người nghĩ rằng
itthāhaṃ purisoti vā = “tôi là đàn bà” hoặc “hoặc tôi là đàn ông”
Kiñci vā pana aññasmi = Hay “tôi là thế này thế kia”
taṃ māro vattumarahatī”ti = xứng hợp với cách nói của Ác ma



Thích nghĩa

Thánh ni Somā là con gái của quan lễ bộ thượng thư trong triều của vua Pasenadi.

Chữ *ṭhāna* – trạng thái – ở đây chỉ cho quả vị A la hán.

Thành ngữ – *dvaṅgulapaññāya* – trí tuệ hai ngón là cách nói miệt thị đối với người nữ mang thái độ kỳ thị giới tính. Trong văn hoá Ấn độ, người nữ chỉ biết com chín tới bằng cách lấy một hạt com ép giữa hai ngón tay để xác định là com chín hay chưa.

Theo Sớ giải câu *Ñāṇamhi vattamānamhi sammā dhammaṃ vipassato* = quán chiếu Pháp tướng một cách chân xác chỉ cho tuệ quả của bậc thánh nhưng đây không phải là thiền quán lấy Niết bàn làm đối tượng mà là sự thấu triệt vạn hữu qua tứ diệu đế hay sự quán chiếu năm uẩn qua minh sát tuệ.

Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình
-ooOoo-

2. Somāsuttaṃ [Mūla]

163. Sāvattthinidānaṃ. Atha kho somā bhikkhunī pubbaṅhasamayam nivāsetvā pattaṅcīvaramādāya sāvattthiṃ piṇḍāya pāvīsi. Sāvattthiyam piṇḍāya caritvā pacchābhattaṃ piṇḍapātapatikkantā yena andhavanaṃ tenupasaṅkami divāvihārāya. Andhavanaṃ ajjhogāhetvā aññatarasmim rukkhamūle divāvihāraṃ nisīdi. Atha kho māro pāpimā somāya bhikkhuniyā bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃsaṃ uppādetukāmo samādhimhā cāvetukāmo yena somā bhikkhunī tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā somaṃ bhikkhuniṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Yam taṃ isīhi pattabbaṃ, tḥānaṃ durabhisambhavaṃ;
Na taṃ dvaṅgulapaññāya, sakkā pappotumitthiyā”ti.

Atha kho somāya bhikkhuniyā etadahosi – “ko nu khvāyam manusso vā amanusso vā gāthaṃ bhāsati”ti? Atha kho somāya bhikkhuniyā etadahosi – “māro kho ayam pāpimā mama bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃsaṃ uppādetukāmo samādhimhā cāvetukāmo gāthaṃ bhāsati”ti. Atha kho somā bhikkhunī “māro ayam pāpimā” iti viditvā māraṃ pāpimantaṃ gāthāhi paccabhāsi –

“Itthibhāvo kiṃ kayirā, cittaṃhi susamāhite;
Ñāṇamhi vattamānamhi, sammā dhammaṃ vipassato.

“Yassa nūna siyā evaṃ, itthāhaṃ purisoti vā;
Kiñci vā pana aññasmi [asmīti (syā. kaṃ. pī.)], taṃ māro vattumarahatī”ti.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ somā bhikkhunī”ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

2. Somāsuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

163. Dutīye **ṭhānanti** arahattaṃ. **Durabhisambhavanti** duppasahaṃ. **Dvaṅgulapaññāyāti** parittapaññāya. Yasmā vā dvīhi aṅgulehi kappāsavaṭṭiṃ gahetvā suttaṃ kantanti, tasmā itthī “dvaṅgulapaññā”ti vuccati. **Ñāṇamhi vattamānamhīti** phalasaṃpattiñāṇe pavattamāne. **Dhammaṃ vipassatoti** catusaccadhammaṃ vipassantassa, pubbabhāge vā vipassanāya ārammaṇabhūtaṃ khandhapañcakameva. **Kiñci vā pana aññasmīti** aññaṃ vā kiñci “ahaṃ asmī”ti taṇhāmānadiṭṭhivasena yassa siyā. Dutīyaṃ.